

Bản án số: **42/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/8/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy Lam.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Ngu

Ông Lâm Ngọc Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nông Văn Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Mộng Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **65/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/3/2022** về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Phạm Thị Bích P.** (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: ấp A, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Chỗ ở hiện nay: phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

**- Bị đơn:** Ông **Lê Thanh H.** Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2022, nguyên đơn bà Phạm Thị Bích P trình bày:* Bà Phạm Thị Bích P và ông Lê Thanh H tự tìm hiểu và được cha mẹ hai bên chấp nhận cho tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, thành phố V cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/5/2007.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc và có 01 con chung tên Lê Công H1, sinh ngày 28/07/2007 hiện đang sống chung với bà P.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp nên cả hai đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Thanh H.

Về con chung: Bà yêu cầu Tòa án tiếp tục giao cháu Lê Công H1, sinh ngày 28/07/2007 cho bà nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Lê Thanh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

*Đối với bị đơn ông Lê Thanh H:* Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Lê Thanh H, nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, ông Lê Thanh H vắng mặt, không tham gia tố tụng, không gửi cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Nguyên đơn bà Phạm Thị Bích P có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn ông Lê Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, là chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Bích P đối với bị đơn ông Lê Thanh H, cho bà Phạm Thị Bích P và ông Lê Thanh H ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Về con chung: Hiện nay, cháu Lê Công H1, sinh ngày 28/07/2007 đang do bà Phạm Thị Bích P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu Lê Công H1 có nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà Phạm Thị Bích P. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết giao cháu Lê Công H1 cho bà Phạm Thị Bích P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Lê Công H1 đủ 18 tuổi, ông Lê Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Phạm Thị Bích P không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Bích P tự trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **Về tố tụng:**

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Phạm Thị Bích P yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Thanh H; Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Công H1, sinh ngày 28/07/2007 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông Lê Thanh H cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Phạm Thị Bích P có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Đối với bị đơn ông Lê Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

#### **Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Bích P và ông Lê Thanh H tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã H, thành phố V cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/5/2007 cho nên quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Bích P và ông Lê Thanh H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa bà Phạm Thị Bích P và ông Lê Thanh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tình tình không hòa hợp, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hai người đã không còn chung sống với nhau từ năm 2009 cho đến nay. Cho nên bà Phạm Thị Bích P đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê Thanh H. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập các đương sự đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm tìm ra được cách thức để hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng và khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng có thể đoàn tụ với nhau, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Thanh H không có ý kiến, cũng không đến tham dự phiên hòa giải, cũng không đến tham gia phiên tòa. Từ đó cho thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Do vậy việc bà Phạm Thị

Bích P yêu cầu được ly hôn với ông Lê Thanh H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bích P và giải quyết cho bà Phạm Thị Bích P được ly hôn với ông Lê Thanh H.

[2] Về con chung: Bà Phạm Thị Bích P và ông Lê Thanh H có 01 con chung tên Lê Công H1, sinh ngày 28/07/2007. Xét thấy, hiện nay cháu Lê Công H1 đang sống chung với bà Phạm Thị Bích P và được bà Phạm Thị Bích P nuôi dưỡng, chăm sóc tốt, cháu Lê Công H1 cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà Phạm Thị Bích P. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu Lê Công H1 nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Lê Công H1 cho bà Phạm Thị Bích P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Lê Công H1 đủ 18 (Mười tám) tuổi.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Phạm Thị Bích P không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Bích P tự trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích nêu trên nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị Bích P phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, **khoản 2 Điều 81**, Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bích P.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Bích P được ly hôn với ông Lê Thanh H.

- Về con chung: Giao cháu Lê Công H1, sinh ngày 28/07/2007 cho bà Phạm Thị Bích P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Lê Công H1 đủ 18 (Mười tám) tuổi. Ông Lê Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Phạm Thị Bích P không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, ông Lê Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Bích P tự trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Phạm Thị Bích P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0003069 ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng; Như vậy, bà Phạm Thị Bích P đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Báo cáo đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Cơ quan cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thủy Lam**